

Số: 443/2026/QĐST- HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 379/2026/TLST - HNGĐ ngày 03/3/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 275/52, tổ 4, khu phố 3B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/06 ngày 05/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06/01/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/3/2026, ông H và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Yến V, sinh ngày 23/10/2006 (đã trưởng thành) và Lê Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 27/7/2009; bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tr, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông H và bà H thật sự tự nguyện ly hôn; đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01/06 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 05/6/2006 hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Yên V, sinh ngày 23/10/2006 (đã trưởng thành) và Lê Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 27/7/2009. Bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Tr; hàng tháng ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 15.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành kể từ tháng 3/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; cần trừ vào tạm ứng lệ phí ông H, bà H đã nộp theo biên lai số 0013495 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV7;
- THADS TP.HCM;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên